

THỜI KHÓA BIỂU LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH (BÀI TẬP) HK1/26-27

Bắt đầu từ 14/09/2026 đến 10/01/2027							Giờ học LT											
Lớp	Mã HP	Tên HP	Số tiết	Bộ môn phụ trách	Loại HP	GVLТ	Thứ	Giờ bắt đầu	Phút bắt đầu	Giờ kết thúc	Phút kết thúc	sĩ số	Phòng	Nơi dạy	Tuần bắt đầu	Tuần kết thúc	Ghi chú	
Ngành Công nghệ Vật liệu																		
24CVL	BAA00003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30				5,6,7							CS2	23/11/26			
24CVL1	MST10022	Cơ sở khoa học chất rắn	30	Khoa KH&CNVL	BB	Vũ Hoàng Nam	2	7	30	11	0	55		CS2	14/09/26	04/01/27		14
24CVL2	MST10026	Vật liệu bán dẫn	30	KHоа KH&CNVL	BB	Phạm Kim Ngọc	2	7	30	11	0	55		CS2	09/11/26	04/01/27		14
24CVL2	MST10020	Kỹ thuật biến tính vật liệu	30	Khoa KH&CNVL	BB	Lê Viết Hải, Trần Duy Tập	2	7	30	11	0	55		CS2	14/09/26	02/11/26		14
24CVL1	MST10026	Vật liệu bán dẫn	30	KHоа KH&CNVL	BB	Phạm Kim Ngọc	2	12	40	16	10	55		CS2	09/11/26	04/01/27		9
24CVL2	MST10015	Tính toán và mô phỏng cho vật liệu	45	Khoa KH&CNVL	BB	Trần Thị Minh Thư,Vũ Hoàng Nam	2	12	40	16	10	55		CS2	14/09/26	04/01/27	đăng ký phòng 1	9
24CVL1	MST10020	Kỹ thuật biến tính vật liệu	30	Khoa KH&CNVL	BB	Lê Viết Hải, Trần Duy Tập	2	12	40	16	10	55		CS2	14/09/26	02/11/26		9
24CVL1	MST10025	Vật liệu ceramic	30	Khoa KH&CNVL	BB	Cao Thị Mỹ Dung, Nguyễn Đức Hào	3	7	30	11	0	55		CS2	14/09/26	02/11/26		4
24CVL2	MST10024	Vật liệu kim loại, hợp kim	30	Khoa KH&CNVL	BB	Phạm Kim Ngọc, Lê Khắc Tốp	3	7	30	11	0	55		CS2	14/09/26	02/11/26		4
24CVL1	MST10024	Vật liệu kim loại, hợp kim	30	Khoa KH&CNVL	BB	Phạm Kim Ngọc, Lê Khắc Tốp	3	12	40	16	10	55		CS2	14/09/26	02/11/26		9
24CVL2	MST10025	Vật liệu ceramic	30	Khoa KH&CNVL	BB	Cao Thị Mỹ Dung, Nguyễn Đức Hào	3	12	40	16	10	55		CS2	14/09/26	02/11/26		9
24CVL2	MST10017	Các phương pháp phân tích cấu trúc và hình thái vật liệu	37.5	KHоа KH&CNVL	BB	Tạ Thị Kiều Hạnh	4	7	30	11	0	55		CS2	14/09/26	23/11/26		4
24CVL1	MST10016	Phương pháp chế tạo vật liệu hữu cơ	37.5	Khoa KH&CNVL	BB	Nguyễn Thị Kim Lộc	4	7	30	11	0	55		CS2	14/09/26	23/11/26		4
24CVL1	MST10017	Các phương pháp phân tích cấu trúc và hình thái vật liệu	37.5	KHоа KH&CNVL	BB	Tạ Thị Kiều Hạnh	4	12	40	16	10	55		CS2	14/09/26	23/11/26		9
24CVL2	MST10016	Phương pháp chế tạo vật liệu hữu cơ	37.5	Khoa KH&CNVL	BB	Nguyễn Thị Kim Lộc	4	12	40	16	10	55		CS2	14/09/26	23/11/26		9
24CVL2	MST10022	Cơ sở khoa học chất rắn	30	Khoa KH&CNVL	BB	Vũ Hoàng Nam	5	7	30	11	0	55		CS3	14/09/26	04/01/27		4
24CVL1	MST10015	Tính toán và mô phỏng cho vật liệu	45	Khoa KH&CNVL	BB	Trần Thị Minh Thư,Vũ Hoàng Nam	5	12	40	16	10	55		CS2	14/09/26	04/01/27	đăng ký phòng 1	9
24CVL	MST10019	Thực hành kỹ thuật sinh học	60		BB	Từ Thị Trâm Anh	3,4,7							CS2	30/11/26	04/01/27		
24CVL	MST10005	Thực hành các phương pháp chế tạo vật liệu	60	Khoa KH&CNVL	BB	Nguyễn Trung Độ	3,4,7							CS2	30/11/26	04/01/27		
23CVL	MSC10012	Hệ thống quản lý chất lượng (QMS)	45	Khoa KH&CNVL	BB	Nguyễn Thái Ngọc Uyên, Nguyễn Tường Vy	5	12	40	16	10	65		CS2	26/10/26	07/12/26		9
23CVL	MSC10012	Hệ thống quản lý chất lượng (QMS)	45	Khoa KH&CNVL	BB	Nguyễn Thái Ngọc Uyên, Nguyễn Tường Vy	6	7	30	11	0	65		CS2	26/10/26	07/12/26		4
23CVL	MST10137	Đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp	30	KH Liên ngành	BB	Đương Thị Yến	4	8	20	11	0	65		CS2	26/10/26	04/01/27		4
23CVL	MST10129	Học tập với doanh nghiệp	30	Khoa KH&CNVL	BB	Bùi Thanh Sơn	7	8	20	11	50	80		CS2	26/10/26	04/01/27	chung với 23YS	5
23CVL	MST10136	Đồ án nghiên cứu và chế tạo vật liệu tiên tiến	60	Khoa KH&CNVL	BB		Sinh viên đăng ký nhận đề tài từ các thầy cô trong Khoa							CS2	14/09/26	04/01/27		
23CPO	MST10140	Hỗn hợp Polymer và vật liệu nhiệt dẻo đàn hồi	30	Khoa KH&CNVL	BB	Nguyễn Tường Vy	4	12	40	16	10	30		CS2	26/10/26	21/12/26		9
23CPO	MSC10201	Thực tập tổng hợp polymer	60	Khoa KH&CNVL	BB	Nguyễn Tường Vy	5,6	7	30	17	0	30		CS2	14/12/26	04/01/27		10
23CPO	MSC10202	Thực tập tính chất cơ lý polymer	60	Khoa KH&CNVL	BB	Phạm Huy Lâm	5,6	7	30	17	0	30		CS2	14/12/26	04/01/27		10

THỜI KHÓA BIỂU LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH (BÀI TẬP) HK1/26-27

Bắt đầu từ 14/09/2026 đến 10/01/2027							Giờ học LT										
Lớp	Mã HP	Tên HP	Số tiết	Bộ môn phụ trách	Loại HP	GVLТ	Thứ	Giờ bắt đầu	Phút bắt đầu	Giờ kết thúc	Phút kết thúc	sĩ số	Phòng	Nơi dạy	Tuần bắt đầu	Tuần kết thúc	Ghi chú
23CYS	MST10202	Vật liệu y sinh 2	37.5	Khoa KH&CNVL	BB	Hà Thúc Chí Nhân, Lê Ngọc Hà Thu	4	12	40	16	10	15		CS2	26/10/26	04/01/27	
23CYS	MST10203	Thực hành chế tạo vật liệu y sinh	60	Khoa KH&CNVL	BB	Tạ Thị Kiều Hạnh	3,5							CS2	30/11/26	04/01/27	
23CYS	MSC10315	Thực hành đánh giá tính chất sinh học của vật liệu	60	Khoa KH&CNVL	BB	Từ Thị Trâm Anh	3,6							CS2	30/11/26	04/01/27	
23CBD	MST10307	Mạch tích hợp cơ bản	30	Khoa KH&CNVL	BB	Nguyễn Thị Thiên Trang	4	12	40	16	10	20		CS2	26/10/26	04/01/27	
23CBD	MST10305	Thực tập chế tạo và đánh giá linh kiện bán dẫn	60	Khoa KH&CNVL	BB	Lê Thái Duy, Phạm Kim Ngọc	3,6	7	30	17	0	20		CS2	23/11/26	04/01/27	
23CBD	MST10306	Mô hình hoá và mô phỏng linh kiện bán dẫn	60	Khoa KH&CNVL	BB	Trần Thị Minh Thư, Lê Thái Duy	2	7	30	11	0	20		CS2	26/10/26	04/01/27	phòng máy tính

Ngành Khoa Học Vật Liệu

Lớp	Mã HP	Tên HP	Số tiết	Bộ môn phụ trách	Loại HP	GVLТ	Thứ	Giờ bắt đầu	Phút bắt đầu	Giờ kết thúc	Phút kết thúc	sĩ số	Phòng	Nơi dạy	Tuần bắt đầu	Tuần kết thúc	Ghi chú
	BAA00003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30				5,6,7							CS2	23/11/26		
24KVL2	MSC10016	Các phương pháp phân tích vật liệu 2	37.5	Khoa KHCN&VL	BB	Tạ Thị Kiều Hạnh Cao Thị Mỹ Dung	2	7	30	11	0	75		CS2	14/09/26	30/11/26	
24KVL1	MSC10010	Phương pháp chế tạo vật liệu 1	30	Khoa KHCN&VL	BB	Nguyễn Thị Kim Lộc	2	12	40	16	10	75		CS2	14/09/26	02/11/26	
24KVL2	MSC10010	Phương pháp chế tạo vật liệu 1	30	Khoa KHCN&VL	BB	Nguyễn Thị Kim Lộc	3	7	30	11	0	75		CS2	14/09/26	02/11/26	
24KVL1	MSC10015	Các phương pháp phân tích vật liệu 1	45	Khoa KHCN&VL	BB	Hoàng Thị Đông Quý Nguyễn Thái Ngọc Uyên Trần Thị Thanh Vân	3	7	30	11	0	75		CS2	14/09/26	04/01/27	
24KVL2	MSC10015	Các phương pháp phân tích vật liệu 1	45	Khoa KHCN&VL	BB	Hoàng Thị Đông Quý Nguyễn Thái Ngọc Uyên Trần Thị Thanh Vân	3	12	40	16	10	75		CS2	14/09/26	04/01/27	
24KVL1	MSC10011	Phương pháp chế tạo vật liệu 2	30	Khoa KHCN&VL	BB	Tạ Thị Kiều Hạnh Phạm Kim Ngọc Trần Thị Như Hoa	5	7	30	11	0	75		CS2	14/09/26	09/11/26	
24KVL1	MSC10016	Các phương pháp phân tích vật liệu 2	37.5	Khoa KHCN&VL	BB	Tạ Thị Kiều Hạnh Cao Thị Mỹ Dung	5	12	40	16	10	75		CS2	14/09/26	30/11/26	
24KVL2	MSC10005	Vật liệu kim loại, bán dẫn, điện môi	37,5	Nano và màng mỏng	BB	Phạm Kim Ngọc	5	12	40	16	10	75		CS2	14/09/26	30/11/26	lầu thấp
24KVL1	MSC10005	Vật liệu kim loại, bán dẫn, điện môi	37,5	Nano và màng mỏng	BB	Phạm Kim Ngọc	6	7	30	11	0	75		CS2	14/09/26	30/11/26	lầu thấp
24KVL2	MSC10011	Phương pháp chế tạo vật liệu 2	30	Khoa KHCN&VL	BB	Tạ Thị Kiều Hạnh Phạm Kim Ngọc Trần Thị Như Hoa	6	12	40	16	10	75		CS2	14/09/26	09/11/26	
24KVL	MSC10017	Thực hành chế tạo vật liệu	60	PTN Cơ sở	BB	Hà Thúc Chí Nhân	2,4	7	30	16	10	140		CS2	30/11/26	04/01/27	
24KVL	MSC10018	Thực hành phương pháp phân tích vật liệu	60	PTN phân tích	BB	La Phan Phương Hạ	6,7	7	30	16	10	140		CS2	30/11/26	04/01/27	

23MM	MSC10115	Vật liệu quang xúc tác	30	Nano và màng mỏng	TC	Lê Khắc Tốp	2	7	30	11	0	30		CS2	14/09/26	02/11/26	
23MM	MSC10111	Vật liệu lưu trữ và chuyển hoá năng lượng	30	Thình giảng	BB	Trần Quang Minh Nhật	2	12	40	16	10	40		CS2	14/09/26	02/11/26	x

THỜI KHÓA BIỂU LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH (BÀI TẬP) HK1/26-27

Bắt đầu từ 14/09/2026 đến 10/01/2027							Giờ học LT											
Lớp	Mã HP	Tên HP	Số tiết	Bộ môn phụ trách	Loại HP	GVLТ	Thứ	Giờ bắt đầu	Phút bắt đầu	Giờ kết thúc	Phút kết thúc	sĩ số	Phòng	Nơi dạy	Tuần bắt đầu	Tuần kết thúc	Ghi chú	
23MM	MSC10114	Vật liệu và cảm biến khí	30	Nano và màng mỏng	TC	La Phan Phuong Hạ	3	7	30	11	0	30		CS2	14/09/26	02/11/26		
23MM	MSC10112	Vật liệu cách âm – cách nhiệt – cơ học	30	Nano và màng mỏng	TC	La Phan Phuong Hạ	3	7	30	11	0	30		CS2	09/11/26	04/01/27	x	
23MM	MSC10116	Vật liệu và linh kiện lưu trữ dữ liệu	30	Nano và màng mỏng	TC	Phạm Kim Ngọc	3	12	40	16	10	30		CS2	09/11/26	04/01/27	lầu thấp	
23MM	MSC10113	Pin nhiên liệu	30	Nano và màng mỏng	BB	Trần Duy Tập	3	12	40	16	10	40		CS2	14/09/26	02/11/26	x	
23MM	MSC10119	Vật liệu thông minh và ứng dụng	30	Nano và màng mỏng	TC	Trần Duy Tập	5	7	30	11	0	30		CS2	14/09/26	02/11/26	x	
23MM	MSC10120	Thực hành trong vật liệu tính toán	60	Nano và màng mỏng	TC	Trần Thị Minh Thư	5	7	30	11	0	30		CS2	14/09/26	04/01/27	phòng máy tính	
23MM	MSC10118	Ứng dụng của công nghệ bức xạ trong khoa học vật liệu	30	Nano và màng mỏng	TC	Trần Duy Tập	5	12	40	16	10	30		CS2	14/09/26	02/11/26	x	
23MM	MSC10104	Thực tập tổng hợp và phân tích vật liệu chuyên ngành 2	60	Nano và màng mỏng	BB	Phạm Kim Ngọc	4,7	7	30	17	0	0		CS1&2	30/11/26	04/01/27		
23KVL_NVC	MSC10119	Vật liệu thông minh và ứng dụng	30	Nano và màng mỏng	TC	Trần Duy Tập	6	7	0	9	30	15		CS1	14/09/26	23/11/26		
23KVL_NVC	MSC10114	Vật liệu và cảm biến khí	30	Nano và màng mỏng	TC	La Phan Phuong Hạ	5	9	40	12	10	15		CS1	14/09/26	23/11/26		
23KVL_NVC	MSC10112	Vật liệu cách âm – cách nhiệt – cơ học	30	Nano và màng mỏng	TC	La Phan Phuong Hạ	5	7	0	9	30	15		CS1	14/09/26	23/11/26		
23KVL_NVC	MSC10116	Vật liệu và linh kiện lưu trữ dữ liệu	30	Nano và màng mỏng	TC	Phạm Kim Ngọc	4	9	40	12	10	15		CS1	14/09/26	23/11/26		
23KVL_NVC	MSC10111	Vật liệu lưu trữ và chuyển hoá năng lượng	30	Thình giảng	BB	Trần Quang Minh Nhật	4	7	0	9	30	15		CS1	14/09/26	23/11/26		
23KVL_NVC	MSC10113	Pin nhiên liệu	30	Nano và màng mỏng	BB	Trần Duy Tập	6	9	40	12	10	15		CS1	14/09/26	23/11/26		
23KVL_NVC	MSC10104	Thực tập tổng hợp và phân tích vật liệu chuyên ngành 2	60	Nano và màng mỏng	BB	Phạm Kim Ngọc	4,7	7	30	17	0	15		CS 1&2	30/11/26	04/01/27		
23PO	MSC10206	Hỗn hợp Polymer	30	Polymer và Composi	BB	Nguyễn Tường Vy	4	7	30	11	0	40		CS2	14/09/26	02/11/26		
23PO	MSC10204	Kỹ thuật phân tích vật liệu polymer	52,5	KHCNVL	BB	Hoàng Thị Đông Quý	2	12	40	16	10	40		CS2	14/09/26	04/01/27		
23PO	MSC10221	Phụ gia polymer	37,5	Polymer và Composi	BB	Hoàng Thị Đông Quý	2	7	30	11	0	40		CS2	14/09/26	30/11/26		
23PO	MSC10220	Vật liệu Polymer trong điện tử và bán dẫn	37,5	KHCNVL	BB	Trần Duy Tập, Nguyễn Nguyễn Ngân	6	12	40	16	10	40		CS2	14/09/26	30/11/26		
23PO	MSC10201	Thực tập tổng hợp polymer	60	Polymer và Composi	BB	Nguyễn Tường Vy	4,5,7	7	30	17	0	40		CS2	23/11/26	04/01/27		
23PO	MSC10202	Thực tập tính chất cơ lý polymer	60	Polymer và Composi	BB	Phạm Huy Lâm	4,5,7	7	30	17	0	40		CS2	23/11/26	04/01/27		
23PO	MSC10208	Seminar chuyên ngành	60	Polymer và Composi	BB	Hoàng Thị Đông Quý	BM thông báo nhận đề tài seminar							CS2				
23YS	MSC10321	Cảm biến sinh học	30	Từ và y sinh	TC	Lê Viết Hải	3	7	30	11	0	15		CS2	14/09/26	02/11/26		
23YS	MSC10317	Trị liệu ung thư bằng phương pháp miễn dịch	30	Từ và y sinh	TC	Từ Thị Trâm Anh	5	7	30	11	0	15		CS2	14/09/26	02/11/26		
23YS	MSC10316	Vật liệu ứng dụng trong nha khoa	30	Từ và y sinh	TC	Trần Thị Thanh Vân	5	7	30	11	0	15		CS2	09/11/26	04/01/27		
23YS	MSC10318	Vật liệu dẫn truyền thuốc	30	Từ và y sinh	TC	Tạ Thị Kiều Hạnh, Đoàn Lê Hoàng Tân	3	12	40	16	10	15		CS2	14/09/26	02/11/26		
23YS	MSC10306	Kỹ thuật Y Sinh	45	Từ và y sinh	BB	Lê Viết Hải	6	12	40	16	10	20		CS2	14/09/26	07/12/26		
23YS	MSC10319	Học tập với doanh nghiệp	45	Thình giảng	BB	Bùi Thanh Sơn	7	8	20	11	50	20		CS2	26/10/26	04/01/27		

THỜI KHÓA BIỂU LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH (BÀI TẬP) HK1/26-27

Bắt đầu từ 14/09/2026 đến 10/01/2027							Giờ học LT											
Lớp	Mã HP	Tên HP	Số tiết	Bộ môn phụ trách	Loại HP	GVLТ	Thứ	Giờ bắt đầu	Phút bắt đầu	Giờ kết thúc	Phút kết thúc	sĩ số	Phòng	Nơi dạy	Tuần bắt đầu	Tuần kết thúc	Ghi chú	
23YS	MSC10315	Thực hành đánh giá tính chất sinh học của vật liệu	60	Từ và y sinh	BB	Từ Thị Trâm Anh	2,3,4	7	30	17	0	20		CS2	30/11/26	04/01/27		1
23YS	MSC10320	Thực hành chế tạo vật liệu y sinh	90	Từ và y sinh	BB	Tạ Thị Kiều Hạnh	2,3,4	7	30	17	0	20		CS2	30/11/26	04/01/27		1

1

10

1

10

* Giờ của các tiết học tại Linh Trung

Buổi sáng		Ghi chú
Tiết 1: 7g30-8g20		
Tiết 2: 8g20-9g10		
Tiết 3: 9g10-10g00	ngghi 10'	
Tiết 4: 10g10-11g00		
Tiết 5: 11g00-11g50		
Buổi chiều		Ghi chú
Tiết 6: 12g40-13g30		
Tiết 7: 13g30-14g20		
Tiết 8: 14g20-15g10	ngghi 10'	
Tiết 9: 15g20-16g10		
Tiết 10: 16g10-17g00		

* Giờ của các tiết học tại 227 Nguyễn Văn Cừ

Buổi sáng		Ghi chú
Tiết 1 : 7g00-7g50		
Tiết 2 : 7g50-8g40		
Tiết 3 : 8g40-9g30		ngghi 10'
Tiết 4 : 9g40-10g30		
Tiết 5 : 10g30-11g20		
Tiết 6 : 11g20-12g10		
Buổi chiều		Ghi chú
Tiết 7 : 12g50-13g40		
Tiết 8 : 13g40-14g30		
Tiết 9 : 14g30-15g20		ngghi 10'
Tiết 10: 15g30-16g20		
Tiết 11: 16g20-17g10		
Tiết 12: 17g10-18g00		
Buổi tối		Ghi chú
Tiết 13 :18g00-18g50		
Tiết 14: 18g50-19g40		
Tiết 15: 19g40-20g30		